TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BỐ TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ -ST
Ngày: 23 - 01 - 2024
V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quảng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thịnh và ông Hoàng Thanh Mai.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trương Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Quỳnh Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 79/2023/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn Bồng Lai 2, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình; có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn H1, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn Bồng Lai 2, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 10 năm 2023, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày:

Chị Hoàng Thị H và anh Hoàng Văn H1 tự nguyện tìm hiểu nhau, được gia đình hai bên đồng ý và đăng ký kết hôn vào ngày 06 tháng 5 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung,

bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hòa giải đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái nhưng không có kết quả. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể khắc phục, không còn cách nào để hàn gắn để xây dựng hạnh phúc gia đình, nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Hoàng Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Hoàng Văn H1.

2. *Về con chung*: Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên Hoàng Hải Đ, sinh ngày 04/11/2015. Khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung và yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000 đồng/tháng/con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tuy nhiên quá trình làm việc chị H xin thay đổi đối với yêu cầu cấp dưỡng, chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 03/01/2024 bị đơn anh Hoàng Văn H1 trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn H thống nhất với phần trình bày của chị Hoàng Thị H về thời gian tìm hiểu, kết hôn và thời gian chung sống. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không được hạnh phúc, tuy nhiên do anh H1 là người công giáo nên anh H1 không đồng ý ly hôn.

2. Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên Hoàng Hải Đ, sinh ngày 04/11/2015. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn anh H1 yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, anh H1 không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì việc xác định mối quan hệ pháp luật cần giải quyết và đương sự trong vụ án là đúng quy định của pháp luật và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, b khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 51, 56, Điều 57, 81, 82

và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xét xử vắng mặt chị Hoàng Thị H và anh Hoàng Văn H1.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị H được ly hôn với anh Hoàng Văn H1.

+ Về con chung: Giao con chung tên Hoàng Hải Đăng, sinh ngày 04/11/2015 cho chị Hoàng Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành hoặc khi có quyết định khác thay thế. Anh Hoàng Văn H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Hoàng Thị H và anh Hoàng Văn H1 đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được ngăn cản quyền thăm nom và chăm sóc con chung.

Khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị Hoàng Thị H và anh Hoàng Văn H1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí sơ thẩm:

Chị Hoàng Thị H phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 31AA/2021/0002831 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Tòa án nhận định:

[I] Về tố tụng:

[1] Chị Hoàng Thị H có đơn yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Hoàng Văn H1. Anh H1 là bị đơn cư trú tại Thôn Bồng Lai 2, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, chị Hoàng Thị H và anh Hoàng Văn H1 đều có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[II] Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị H và anh Hoàng Văn H1 tự nguyện tìm hiểu, được gia đình hai bên đồng ý và có đăng ký kết hôn ngày 06 tháng 5 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình đây là hôn nhân hợp pháp. Tại giấy

chứng nhận đăng ký kết hôn số 63 - 2011, Quyển số 01-2011 giữa anh Hoàng Văn H1 và chị Hoàng Thị H tại UBND xã H thể hiện anh Hoàng Văn H1, sinh ngày 03/5/1992, thông tin ngày sinh của anh H1 không trùng khớp với ngày sinh của anh H1 tại Giấy khai sinh, Giấy chứng minh nhân dân và Căn cước công dân là ngày 13/7/1992. Ngày 09/01/2024 UBND xã H có công văn xác nhận trong quá trình ghi thông tin trong giấy chứng nhận kết hôn Công chức Tư pháp hộ tịch của xã đã sơ suất ghi nhầm thông tin ngày sinh của anh Hoàng Văn H1, sinh ngày 13/7/1992 thành Hoàng Văn H1, sinh ngày 03/5/1992. Chứng minh cho vấn đề này, Toà án đã thu thập hồ sơ tại Cơ quan Công an huyện Bố Trạch, thể hiện tại bản khai nhân khẩu, Giấy khai sinh, Căn cước công dân, Bằng tốt nghiệp tiểu học đều ghi Hoàng Văn H1 sinh ngày 13/7/1992, như vậy Hoàng Văn H1, sinh ngày 03/5/1992 ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn và Hoàng Văn H1 trong các giấy tờ tuỳ thân là một người.

Chị Hoàng Thị H cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, đến thời gian gần đây thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẩn, cuộc sống vợ chồng không hợp nhau do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung về tất cả các vấn đề trong cuộc sống. Hiện nay vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay và không có biện pháp để hàn gắn tình cảm nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Anh H1 thống nhất quá trình chung sống vợ chồng sống không được hạnh phúc tuy nhiên anh H1 là người công giáo nên không đồng ý ly hôn với chị H.

Xét quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tình yêu thương, trách nhiệm, nghĩa vụ, sự quan tâm và chăm sóc lẫn nhau. Giữa chị H và anh H1 không có biện pháp khắc phục mâu thuẩn, chị H kiên quyết xin ly hôn với anh H1 chứng tỏ tình cảm của chị H dành cho anh H1 đã hết. Anh H1 không đồng ý ly hôn với chị H không phải vì còn tình cảm mà vì anh H1 là người công giáo nên không được phép ly hôn (theo giáo lý). Như vậy có thể thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên mâu thuẩn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay chị H và anh H1 không còn sống chung với nhau, nên chị H yêu cầu ly hôn với anh H1 là có cơ sở nên cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên Hoàng Hải Đ, sinh ngày 04/11/2015. Khi ly hôn chị H và anh H1 đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Hoàng Hải Đ hiện nay còn nhỏ đang sống với vợ chồng chị H, anh H1 nhưng cháu có nguyện vọng sau khi ba mẹ ly hôn muốn được ở với chị H, để tránh gây xáo trộn về tâm lý và đảm bảo quyền lợi về vật chất, tinh thần của người chưa thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Đ cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu H trưởng thành hoặc đến khi có quyết định khác thay thế là đúng quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình và phù hợp với nguyện vọng của cháu Đ.

[3] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con và cam kết đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, ý kiến của chị H là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Hoàng Thị H và anh Hoàng Văn H1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm:

Chị Hoàng Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị H được ly hôn với anh Hoàng Văn H1.

[2] Về con chung: Giao con chung tên Hoàng Hải Đ, sinh ngày 04/11/2015 cho chị Hoàng Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành hoặc khi có quyết định khác thay thế.

Chị Hoàng Thị H và anh Hoàng Văn H1 đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được ngăn cản quyền thăm nom và chăm sóc con chung.

Khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu và cam kết đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Hoàng Thị H và anh Hoàng Văn H1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm:

Chị Hoàng Thị H phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 31AA/2021/0002831 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- UBND xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phú Quảng